

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v **Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng**  
**Dự án: Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức**  
**huyện Hoài Ân**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân;

Căn cứ Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân;

Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021 - 2025;

*Căn cứ Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân;*

*Theo Quyết định số 6299/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Hoài Ân về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Theo Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND huyện Hoài Ân về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân;*

*Theo Văn bản số 116/SXD-HTKTTĐ ngày 26/7/2024 của Sở Xây dựng Bình Định về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 474/BC-SKHĐT ngày 20/8/2024 và đề nghị của UBND huyện Hoài Ân tại Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 13/8/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức huyện Hoài Ân với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên dự án:** Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức - huyện Hoài Ân.

**2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** UBND tỉnh Bình Định.

**3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

**4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Hoài Ân.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – huyện Hoài Ân nhằm cung cấp nước sinh hoạt có chất lượng đảm bảo hợp vệ sinh cho 4.264 hộ gia đình, với khoảng 12.691 người (xã Ân Đức: 2.805 hộ với khoảng 7.548 người; xã Ân Thạnh và 1.459 hộ với khoảng 5.143 người); góp phần giảm tỷ lệ bệnh tật, cải thiện điều kiện đời sống, cải tạo vệ sinh môi trường chất lượng sinh hoạt của người dân thông qua cải thiện các dịch vụ cấp nước sạch vùng dự án, từng bước ổn định cuộc sống, nâng cao sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dự án và hoàn thành Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:** Hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ân Thạnh, Ân Đức – Huyện Hoài Ân, bao gồm các hạng mục sau:

**6.1. Trạm bơm nước thô:**

- Khoan 06 giếng khai thác nước ngầm và xây dựng 06 trạm bơm giếng có tổng công suất làm việc 2000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Cung cấp và lắp đặt 06 bộ bơm chìm cho 06 giếng có N = 3,7kW; Q = (15-20)m<sup>3</sup>/h; H = (30-35)m. Lắp đặt đường ống công nghệ, hệ thống điện điều khiển và chiếu sáng phục vụ các trạm bơm.

- Mỗi giếng xây dựng 01 hồ van bảo vệ bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20, có kích thước BxLxH = (1,9x2,8x2,2)m.

6.2. *Tuyến ống nước thô*: Xây dựng đường ống nước thô từ các trạm bơm giếng đến khu xử lý, chiều dài 740m, kết cấu bằng ống HDPE D(110-225)mm và ống thép mạ kẽm.

6.3. *Nhà máy xử lý nước*: Xây dựng mới khu xử lý nước ở khu đất hiện tại đang sản xuất nông nghiệp phía bờ tả sông, giáp với cầu Đồng Tròn thuộc thôn An Thường 1, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

Diện tích sử dụng đất: 9.382 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích mặt bằng xây dựng là 6.363,63 m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại 3.018,37 m<sup>2</sup> là đất xây dựng kè và bảo vệ mái taluy.

Quy mô xây dựng: Khu xử lý mới xây dựng công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Bao gồm các hạng mục chính sau:

a) Giàn mưa: Lắp đặt 2 giàn mưa có kích thước mỗi giàn mưa là: (2,65x 2,9)m.

b) Bể lắng: Xây dựng bể lắng bằng bê tông cốt thép B22,5 có kích thước mỗi bể: BxLxH = (5,0x16,5x5,5)m chia làm 2 ngăn; lắp đặt ống phụ tùng dẫn nước vào và ra bể lắng, hệ thống van xả cặn, van điều khiển,...

c) Bể lọc: Xây dựng bể lọc trọng lực bằng bê tông cốt thép B22,5. Vật liệu lọc là cát thạch anh, bể gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn BxLxH = (2,5x5,0x4,0)m. Lắp đặt hệ thống điều chỉnh tốc độ lọc xi phông đồng tâm, hệ thống ống rửa lọc tự động theo thời gian và mực nước bể, hệ thống ống vào và ra bể lọc.

d) Bể chứa nước sạch: Xây dựng 01 bể chứa nước sạch bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B22,5 có dung tích 500m<sup>3</sup>; kích thước bể BxLxH = (13,05x10x3,95)m; xây dựng nửa chìm nửa nổi nắp đắp đất màu trồng cỏ;

đ) Trạm bơm nước sạch:

- Xây dựng 1 trạm bơm nước sạch khung sàn bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20, tường xây gạch dày 200 vữa xây B5 có kích thước BxL= (5,2x14,6)m gồm phòng tầng hầm lắp đặt 03 bơm nước sạch và 02 bơm nước rửa lọc kích thước (9,10x5,20)m. Phòng điều khiển đặt tủ điều khiển kích thước (2,50x5,20)m. Phòng đặt bơm gió rửa lọc kết hợp với ngăn sửa chữa nhỏ kích thước (3x5,2)m.

- Cung cấp và lắp đặt 3 bộ bơm nước sạch có Q = 75m<sup>3</sup>/h, H = 32m; bơm cấp nước rửa lọc: Chọn 1 bơm ly tâm trục ngang Q = 220m<sup>3</sup>/h, H = 14m; bơm gió rửa lọc Q = 580m<sup>3</sup>/h, H = 5m. Lắp đặt hệ thống ống và phụ tùng trong trạm bơm. Hệ thống điện điều khiển trong trạm bơm.

e) Nhà hóa chất:

- Xây dựng nhà hoá chất với kích thước: BxL=(4,8x9,8)m có kết cấu móng, cột, móng, sàn bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20, tường xây gạch không nung vữa xi măng B5 dày 200mm; trát vữa xi măng B5;

- Trong nhà hóa chất lắp đặt 04 bình Clo loại 50kg, 02 bơm tiếp áp Q = 2m<sup>3</sup>/h, H = 60m; 03 bồn pha hóa chất xử lý nước và kết hợp để làm kho chứa hóa chất; lắp

đặt đường ống công nghệ, hệ thống van điều khiển, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy hóa chất, máy châm Clo...

g) Nhà chứa chất thải nguy hại:

- Xây dựng nhà chứa chất thải nguy hại với kích thước: BxL = (2,15x3,15)m có kết cấu móng tường xây đá chẻ (15x20x25) vữa xi măng B5; dầm, giằng bằng bê tông cốt thép đá (1x2) B20, tường xây gạch không nung vữa xi măng B5 dày 200mm; trát vữa xi măng B5. Nền bê tông đá (1x2) B20; mái lợp tole sóng vuông dày 0,45mm; xà gồ thép.

h) Nhà quản lý: Khung, sàn bằng bê tông cốt thép đá (1x2) mác B20, tường xây gạch không nung dày 200 vữa xi măng B5 có kích thước BxL = (12x5,8)m. Tổng diện tích sử dụng là 63,46m<sup>2</sup>. Trong đó: Sảnh đón (3,8x1,30)m = 4,94m<sup>2</sup>; phòng làm việc diện tích (3,8x4,3)m = 16,34m<sup>2</sup>; nhà vệ sinh (3,8x1,25)m = 4,75m<sup>2</sup>; phòng nghỉ nhân viên (3,8x5,6)m = 21,28m<sup>2</sup>; phòng bếp diện tích (3,8x4,25)m = 16,15m<sup>2</sup>.

i) Hồ lắng bùn và sân phơi bùn:

- Xây dựng 1 hồ lắng bùn hình chóp cụt đáy hình chữ nhật bằng đá học có kích thước đáy lớn AxB = (16x8,8)m; đáy nhỏ axb = (11,8x4,8)m; chiều cao trung bình H<sub>tb</sub> = 2,0m; lắp lan can bằng inox 201 bảo vệ xung quanh bể. Trong hồ lắp đặt bơm thu hồi nước rửa lọc Q = 10m<sup>3</sup>/h; H = 14,5m và đường ống dẫn về bể lắng.

- Xây dựng 01 sân phơi bùn kích thước LxB = (17,2x11,8)m. Kết cấu sân phơi bằng bê tông B20 đá (1x2) dày 10cm.

k) Nhà để xe: Kích thước (7,0x3,0)m; cột bằng STK, mái bằng tôn mạ màu, nền bằng bê tông B15 đá (1x2) dày 100mm, bê tông lót B10 đá (4x6) dày 100mm.

l) Tường rào - cổng ngõ: Tổng chiều dài tường rào, cổng ngõ L = 339,80m. Trong đó:

- Tường rào L = 329,40m. Tường cao 1,85m; móng và trụ tường rào bằng bê tông cốt thép mác 200, móng tường xây đá chẻ vữa xi măng mác 75, tường rào xây gạch không nung 6 lỗ vữa xi măng mác 75, trát tường rào vữa xi măng mác 75. Trên tường rào có chông bằng sắt đặc (20x20) bảo vệ.

- Cổng ngõ: Gồm cổng chính (02 cánh cổng mở) cao 1,85m rộng 4m kết cấu bằng thép hình sơn 1 nước lót và 2 nước phủ. Cổng phụ cao 1,85 m rộng 1,4m kết cấu bằng thép hình sơn 1 nước lót và 2 nước phủ. Bảng tên nhà máy bằng đá Granite màu đỏ kích thước 2,6m cao 1,88m; chữ INOX màu vàng đồng.

m) San nền: Để tránh bị ngập khu xử lý san nền ở cốt +15,0m; với tổng diện tích 6.572,38m<sup>2</sup> (trong đó diện tích mặt bằng để xây dựng là 6.363,63m<sup>2</sup>; phần còn lại là diện tích mái taluy). Chiều cao đắp cao nhất 3,55m; thấp nhất 0,67m. Khối lượng đất đắp nền là 10.427,69m<sup>3</sup>. Đắp đất với độ đầm chặt yêu cầu k90.

n) Đường ống kỹ thuật, thoát nước: Đường ống kỹ thuật gồm ống dẫn nước rửa lọc, ống dẫn nước từ bể lọc sang bể chứa, ống dẫn nước từ bể lắng sang bể lọc, ống dẫn nước rửa lọc, gió rửa lọc, ống dẫn từ bể chứa sang trạm bơm bằng ống thép đen sơn hai mặt bằng Epoxy có đường kính từ DN150 đến DN300, ống dẫn hóa

chất như Clo, ống cấp nước cho nhà hành chính, nhà hóa chất, rửa các bể và tưới cây khuôn viên, ống dẫn nước thô và ống dẫn nước sạch vào mạng dùng ống uPVC, HDPE có đường kính DN20 - DN250.

- Tuyến mương dẫn nước rửa lọc từ bể lắng và bể lọc đến hồ lắng bùn xây dựng mương xây hình chữ nhật đáy đan bê tông cốt thép.

- Tuyến thoát nước mưa bằng ống bê tông ly tâm D400 và hố ga thu nước bằng bê tông và bê tông cốt thép.

o) Đường bê tông nội bộ:

- Đường bê tông nội bộ kết cấu bằng bê tông đá (2x4) M250 (B20) dày 18cm; diện tích 1.112,9 m<sup>2</sup>.

- Bó vỉa xây gạch dày 10cm vữa xi măng mác 75. Tổng chiều dài bó vỉa L = 401,90m.

*6.4. Đường dây 22KV/0,4KV và Trạm biến áp 160KVA:*

- Đường dây 22KV: Đường dây 22KV có tổng chiều dài 303,5m đi trên không.

+ Điểm đầu: Tại cột chen C-123/38A đường dây 22Kv, xuất tuyến 475/HNH.

+ Điểm cuối: Cột C-123/38A/8 (cột trạm biến áp Nhà máy cấp nước sạch xã Ân Thạnh, Ân Đức, huyện Hoài Ân) đường dây 22kV, xuất tuyến 475/HNH.

- Trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp 160KVA đặt tại khu xử lý để cấp điện cho 06 trạm bơm giếng; trạm bơm cấp 2; nhà hóa chất; cụm xử lý nước và điện sinh hoạt của Nhà máy xử lý nước.

*6.5. Tuyến kè xung quanh khu xử lý:* Gia cố bảo vệ mái xung quanh khu xử lý bao gồm:

a) Mặt phía Tây và phía Bắc giáp suối:

- Mái kè được gia cố bằng tấm lát bê tông dày 10cm, trên lớp dăm đệm đá (2x4) dày 10cm và một lớp vải địa kỹ thuật trong khung vây bê tông cốt thép; gia cố chân kè bằng chân khay bê tông cốt thép M200 đá (1x2) kích thước b x h = (40x80)cm được đặt trên lăng trụ đá hộc đỡ rôi.

- Thông số kỹ thuật chủ yếu của tuyến kè:

+ Chiều dài kè: 189,27 m

+ Cao trình mặt kè: 15,00 m

+ Bề rộng mặt kè đến tường rào: 1,00 m

+ Cao trình đỉnh chân kè: (10,00 - 8,23) m

+ Hệ số mái kè phía suối: m = 1,5

b) Mặt phía Đông Nam và phía Bắc giáp đường:

- Gia cố mái bằng bê tông M200 đá (1x2) tại chỗ dày 12cm.

- Thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

+ Chiều dài mái: 152,15 m.

- + Cao trình đỉnh mái: 15,00 m
- + Bề rộng mặt đến tường rào: 0,50 m
- + Cao trình đỉnh chân khay: (13,50 - 14,00) m
- + Hệ số mái taluy:  $m = 1,0$

6.6. *Tuyến ống nước sạch*: Xây dựng tuyến ống phân phối nước sạch đến tận nhà các hộ dân trong vùng xây dựng dự án bao gồm:

- Xây dựng mạng lưới cấp nước đến các khu dân cư trong vùng dự án với tổng chiều dài 64,51km (bao gồm chiều dài tuyến ống là 56,72km và 7,79km ống dịch vụ dọc đi kèm mương đào với tuyến ống chính). Kết cấu bằng ống HDPE, đường kính D(280-63)mm.

- Van xả cạn, xả khí, van chặn tuyến, các vật tư phụ tùng trên tuyến, ...

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng dự án tổng hợp theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi do Liên danh Công ty TNHH TVXD TH Thái Nguyên và Công ty TNHH Khang An lập, được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 116/SXD-HTKTTĐ ngày 26/7/2024)

**7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:** Liên danh Công ty TNHH TVXD TH Thái Nguyên và Công ty TNHH Khang An.

**8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:**

- Địa điểm xây dựng: Xã Ân Thạnh và xã Ân Đức, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;

- Diện tích sử dụng đất: 9.382m<sup>2</sup>.

**9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III; dự án nhóm C.

**10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

- Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo như hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án do đơn vị tư vấn lập được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 116/SXD-HTKTTĐ ngày 26/7/2024.

**11. Tổng mức đầu tư dự án: 39.975.821.000 đồng** (Ba mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

*Trong đó:*

- |                                     |   |                |       |
|-------------------------------------|---|----------------|-------|
| - Chi phí xây dựng                  | : | 31.046.313.000 | đồng; |
| - Chi phí thiết bị                  | : | 3.136.592.000  | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án             | : | 734.622.000    | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng    | : | 3.326.380.000  | đồng; |
| - Chi phí khác                      | : | 413.700.000    | đồng; |
| - Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC | : | 300.000.000    | đồng; |

- Chi phí dự phòng : 1.018.214.000 đồng.

**12. Tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2024 - 2026.

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Thực hiện theo Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể: Vốn đầu tư công của tỉnh quản lý cân đối bố trí trong giai đoạn 2021 - 2025 và vốn ngân sách huyện Hoài Ân.

**14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**15. Nội dung khác:**

- Trước khi triển khai thực hiện bước tiếp theo của dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng thẩm định nêu tại Văn bản số 116/SXD-HTKTTĐ ngày 26/7/2024.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin báo cáo của dự án vào Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và báo cáo định kỳ theo quy định.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Hoài Ân (Chủ đầu tư) có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Dự án đầu tư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh N.T.Thanh;
- CVT, PVP KT;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**